

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2006/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quyết định về quản lý và tổ chức thực hiện
các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học - Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hải Dũng

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Về quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài
khoa học và công nghệ cấp Bộ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2006/QĐ-BTNMT
ngày 15 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định này nhằm thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học của Nhà nước (sau đây gọi chung là đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ), áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ phải xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, yêu cầu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Nội dung nghiên cứu của đề tài phải có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn, có tính sáng tạo; đối với dự án sản xuất thử nghiệm, yêu cầu phải ứng dụng các thiết bị, công nghệ tiên tiến.

3. Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ phải có tính khả thi, địa chỉ ứng dụng cụ thể, có giải pháp tổ chức quản lý và thực hiện có hiệu quả.

Chương II

XÁC ĐỊNH, TUYỂN CHỌN, PHÊ DUYỆT ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 3. Đề xuất đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Bộ và yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước, hàng năm các tổ chức, cá nhân đề xuất các đề tài khoa học và công nghệ.

2. Hồ sơ đề xuất đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân kèm theo phiếu đề xuất đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được lập theo Mẫu số 1;

b) Danh mục các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ đề xuất được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo mục tiêu, tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài.

Điều 4. Xác định danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Vụ Khoa học - Công nghệ tổng hợp danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ trên cơ sở đề xuất của các tổ chức, cá nhân.

2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ Bộ, Vụ Khoa học - Công nghệ tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt danh mục các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; công bố danh mục, thông báo việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài bằng văn bản và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 5. Tổ chức chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

Tổ chức chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ là các tổ chức khoa học và công nghệ và các tổ chức khác có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, được Bộ Tài nguyên và Môi trường giao tổ chức thực hiện đề tài.

Điều 6. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ giao trực tiếp

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ giao trực tiếp gồm các đề tài thuộc phạm vi bí mật quốc gia, các đề tài cấp bách phục vụ công tác quản lý nhà nước hoặc các đề tài có nội dung chuyên sâu chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện, năng lực, chuyên môn và trang thiết bị máy móc để thực hiện.

2. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm xem xét, tổng hợp danh mục các đề

tài khoa học và công nghệ cấp Bộ giao trực tiếp theo quy định tại khoản 1, Điều này trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Tổ chức được giao trực tiếp đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ có trách nhiệm lựa chọn chủ nhiệm đề tài. Tổ chức và chủ nhiệm đề tài xây dựng thuyết minh, lập dự toán, bảo vệ thuyết minh đề tài trước Hội đồng khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập.

3. Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính tổ chức thẩm định hồ sơ, thuyết minh và dự toán đề tài, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Điều 7. Nguyên tắc, điều kiện và hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

Ngoài các trường hợp giao trực tiếp quy định tại Điều 6 của Quy định này, các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ thuộc danh mục đã được Bộ phê duyệt đều thực hiện tuyển chọn theo quy định như sau:

1. Nguyên tắc: công khai, công bằng, dân chủ và khách quan.
2. Điều kiện tuyển chọn:
 - a) Các tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này;
 - b) Cá nhân có năng lực tổ chức và thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ có ít nhất 10 năm công tác theo đúng lĩnh vực chuyên môn của đề tài;
 - c) Các tổ chức và cá nhân chỉ được tuyển chọn khi đã hoàn thành việc quyết toán đề tài khoa học và công nghệ; hoàn trả kinh phí thu hồi của các dự án sản xuất thử nghiệm. Mỗi cá nhân không được đồng thời làm chủ nhiệm từ 02 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên.
3. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn bao gồm:
 - a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được lập theo Mẫu số 2;
 - b) Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được lập theo các Mẫu số 3, Mẫu số 4 và nội dung phải đảm bảo mục tiêu, yêu cầu quy định tại Điều 2 của Quy định này;
 - c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được lập theo Mẫu số 5;

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được lập theo Mẫu số 6;

đ) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu;

e) Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có).

4. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn nộp tại Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Khoa học - Công nghệ).

Điều 8. Tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được tuyển chọn thông qua việc đánh giá do Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện, phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 7 của Quy định này.

2. Vụ Khoa học - Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Hội đồng tuyển chọn có từ 7 đến 11 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và các ủy viên khác; 1/3 số thành viên hội đồng là người đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước liên quan, tổ chức áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài; 2/3 số thành viên Hội đồng là nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan. Thành viên hội đồng là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài. Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài không tham gia Hội đồng tuyển chọn.

3. Hội đồng tuyển chọn chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 02 phản biện. Chủ tịch hội đồng tuyển chọn trực tiếp chủ trì cuộc họp. Các thành viên đều được cung cấp tài liệu cho phiên họp ít nhất ba ngày trước khi họp. Hội đồng tuyển chọn thảo luận từng đề tài, mỗi thành viên hội đồng đánh giá tuyển chọn bằng cách cho điểm.

Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được đánh giá theo điểm trung bình cộng của các thành viên hội đồng và kết quả đánh giá được ghi thành biên bản.

4. Tổ chức, cá nhân được đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định trúng tuyển chủ trì đề tài khoa học và công nghệ là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng cao nhất.

5. Thời hạn đề xuất, xác định danh mục đề tài, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ được tiến hành từ tháng 3 và kết thúc vào tháng 9 của năm trước năm triển khai thực hiện.

Điều 9. Phê duyệt thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

Trên cơ sở tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính thẩm định thuyết minh, dự toán kinh phí của đề tài, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt đề tài để tổ chức thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt thuyết minh và dự toán đề tài; để quản lý, tổ chức triển khai đề tài, Bộ Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài (Mẫu số 7) theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm:

a) Giúp Bộ trưởng tổ chức việc xác định danh mục đề tài, tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, xét duyệt thuyết minh đề tài, ký kết hợp đồng khoa học công nghệ, đánh giá nghiệm thu đề tài và thanh lý hợp đồng khoa học công nghệ theo các quy định của pháp luật;

b) Đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện, giao nộp kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ;

c) Thống kê, biên tập danh mục, kết quả thực hiện các đề tài khoa học và công

nghe cấp Bộ; cung cấp kịp thời thông tin về các kết quả khoa học và công nghệ đã thực hiện cho các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Giúp Bộ trưởng tổ chức tuyển chọn danh mục các đề tài chuyên giao để ứng dụng, sử dụng kết quả các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ vào thực tiễn, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và tổ chức công bố sau khi được phê duyệt.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn lập, thẩm định dự toán và bố trí kinh phí thực hiện cho các đề tài đã được phê duyệt; kiểm tra việc chấp hành dự toán và quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học các đề tài theo nội dung đã được phê duyệt.

3. Các Cục quản lý nhà nước và Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia trực thuộc Bộ có trách nhiệm xác định và tổng hợp danh mục đề tài báo cáo Bộ bằng văn bản; kiểm tra đơn đốc tiến độ thực hiện đề tài và quản lý tài chính đề tài đối với các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết liên quan đến kết quả nghiên cứu theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá nghiệm thu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

2. Quản lý, tổ chức thực hiện đề tài, đơn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện, tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các đề tài.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng kết quả nghiên cứu của đề tài và hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí được giao.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy định này.

5. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm đề tài, thay đổi địa bàn thử nghiệm, điều chỉnh khối lượng, phương pháp, sản phẩm, dự toán, thời gian thực hiện, phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Đối với các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, các Cục quản lý nhà nước và Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia có trách nhiệm xem xét, tổng hợp và báo cáo Bộ quyết định.

6. Giao nộp, đăng ký và lưu trữ kết quả nghiên cứu theo Điều 17 của Quy định này; bảo mật số liệu và kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Xây dựng, trình duyệt thuyết minh đề tài, tổ chức thực hiện đề tài, lập báo cáo tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện tại Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ.

2. Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài theo quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy định này; chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ trì, cơ quan quản lý đề tài và trước pháp luật về khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện, tính trung thực của các số liệu của đề tài, hiệu quả sử dụng kinh phí đã được cấp; bảo mật số liệu và kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Được bảo đảm quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 14. Chế độ báo cáo và kiểm tra, quản lý việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

Định kỳ 6 tháng một lần, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tiến độ, khối lượng, kết quả và kinh phí thực hiện.

2. Định kỳ 6 tháng một lần, Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra về khối lượng, kinh phí, chất lượng và tiến độ thực hiện của đề tài. Trường hợp cần thiết, có thể tiến hành kiểm tra đột xuất việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài.

3. Việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất phải được thông báo bằng văn bản trước khi thực hiện. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương IV

NGHIỆM THU, THANH LÝ VÀ LƯU TRỮ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ ở cấp cơ sở

1. Đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ ở cấp cơ sở do tổ

chức chủ trì đề tài thực hiện và phải hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng.

Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài ra quyết định thành lập Hội đồng và tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở. Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài không tham gia Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm của đề tài; phương pháp nghiên cứu; các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học kết quả nghiên cứu đề tài; mức độ hoàn thành báo cáo và tài liệu công nghệ so với thuyết minh đề tài và Hợp đồng khoa học và công nghệ để đánh giá nghiệm thu.

3. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại đề tài theo 2 mức: “đạt” hoặc “không đạt”.

Đề tài được đánh giá ở mức “đạt” là đề tài được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh giá “đạt” và là cơ sở để trình Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ đánh giá, nghiệm thu.

Điều 16. Đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ ở cấp Bộ

1. Vụ Khoa học - Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ. Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên, trong đó phải có đại diện của các tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu. Phiên họp phải có từ 2/3 tổng số thành viên hội đồng tham dự trở lên mới được coi là hợp lệ.

2. Cán bộ của cơ quan chủ trì đề tài không được quá 20% số thành viên Hội đồng.

3. Mỗi đề tài phải có 02 phản biện, các thành viên hội đồng phải có ý kiến đánh giá bằng văn bản và chịu trách nhiệm về đánh giá của mình.

4. Trên cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm của đề tài; phương pháp nghiên cứu; các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học kết quả nghiên cứu đề tài; mức độ hoàn thành báo cáo và tài liệu công nghệ so với thuyết minh đề tài và Hợp đồng khoa học và công nghệ, Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả bằng phiếu kín. Kết quả bỏ phiếu chỉ được công nhận khi có ít nhất 3/4 số phiếu hợp lệ tán thành.

5. Trên cơ sở Biên bản đánh giá nghiệm thu của Hội đồng, Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

6. Đối với đề tài được đánh giá ở mức “không đạt”, kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước cho đề tài phải được bồi hoàn theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 17. Giao nộp kết quả, sản phẩm và đăng ký, lưu trữ kết quả đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Các đề tài được đánh giá ở mức “đạt”, trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

2. Hồ sơ giao nộp kết quả nghiên cứu đề tài gồm:

a) 05 (năm) báo cáo tổng kết, 05 (năm) báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài, kèm theo toàn bộ các sản phẩm đã được phê duyệt tại thuyết minh đề tài;

b) 01 (một) bộ đĩa CD có ghi lại các kết quả và sản phẩm nghiên cứu của đề tài, kể cả các phần mềm.

3. Trong vòng không quá 30 ngày sau khi có quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải thực hiện các thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu tại Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ và nộp lưu trữ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Quyết toán kinh phí thực hiện đề tài và thanh lý hợp đồng khoa học công nghệ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm phải lập báo cáo quyết toán hàng năm, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện đề tài gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Sau khi có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận kết quả thực hiện đề tài và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài đã giao nộp kết quả, sản phẩm, đăng ký, lưu trữ kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Điều 17 của Quy định này, Vụ Khoa học - Công nghệ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ của đề tài.

Điều 19. Ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở tư vấn, đánh giá của Hội đồng khoa học công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, những đề tài khoa học và công nghệ có giá trị về khoa học

và thực tiễn, Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ để tổ chức ứng dụng trong quản lý và sản xuất.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ được đánh giá đạt kết quả có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn cao được xem xét trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường khen thưởng theo quy định.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 127/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học - Công nghệ và Vụ Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hải Dũng

Mẫu số 1

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tên đơn vị đăng ký đề tài
(Đóng dấu treo)

....., ngày.....tháng..... năm 200...

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ

1. Tên đề tài:
2. Giải trình về tính cấp thiết của đề tài:
3. Mục tiêu của đề tài:
4. Những nội dung chính cần nghiên cứu:
5. Các sản phẩm chủ yếu dự kiến tạo ra:
6. Địa chỉ ứng dụng:
7. Dự kiến tổng kinh phí:
8. Các vấn đề khác (nếu có)

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

ĐƠN ĐĂNG KÝ**chủ trì thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ***Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Căn cứ thông báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN) năm 200... chúng tôi:

a)

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài, Dự án SXTN)

b)

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN)

xin đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

.....

.....

.....

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày tháng năm 200..

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
CHỦ NHIỆM
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu số 3

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài	2	Mã số
3	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng/200.... đến tháng/200....)	4	Cấp quản lý
5	Kinh phí triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Tổng số (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của cơ quan		
	- Từ nguồn khác		
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc Dự án KH&CN (ghi rõ tên dự án KH&CN, nếu có) <input type="checkbox"/> Đề tài độc lập		
7	Chủ nhiệm đề tài Họ và tên: Năm sinh: Nam/Nữ: Học hàm: Năm được phong học hàm: Học vị: Năm đạt học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ: Điện thoại: Cơ quan: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail Tên cơ quan đang công tác: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:		

09694899

8	Cơ quan chủ trì đề tài
Tên cơ quan chủ trì đề tài: Điện thoại: Fax: E-mail: Website: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng cơ quan: Số tài khoản: Ngân hàng: Tên cơ quan chủ quản đề tài:	

II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI

9	Mục tiêu của đề tài (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)
10	Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài (Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, nêu được những gì đã giải quyết rồi, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hóa được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu) 10.1. Tình trạng đề tài <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp (tiếp tục hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả)

10.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài; nêu được những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới):

.....

Trong nước: (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện; nêu có các đề tài cùng bản chất đang thực hiện hoặc đăng ký nghiên cứu ở cấp khác, nơi khác của nhóm nghiên cứu phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi cụ thể Tên đề tài, tên Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

10.3. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan (tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố - chỉ ghi những công trình tác giả thật tâm đắc và đã trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

10.4. Phân tích, đánh giá cụ thể những vấn đề KH&CN còn tồn tại, hạn chế của sản phẩm, công nghệ nghiên cứu trong nước và các yếu tố, các nội dung cần đặt ra nghiên cứu, giải quyết ở đề tài này (nêu rõ, nếu thành công thì đạt được những vấn đề gì)

.....

11 Cách tiếp cận

(Luận cứ rõ việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp đối tượng nghiên cứu để đạt mục tiêu đặt ra)

.....

12 Nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm

Liệt kê và mô tả những nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm cần tiến hành để đạt được mục tiêu đặt ra, *trong đó, chỉ rõ những nội dung mới, nội dung quan trọng nhất để tạo ra sản phẩm, công nghệ chủ yếu*; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

.....

13 Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)

.....

14 Hợp tác quốc tế (nếu có)

	Tên đối tác <i>(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)</i>	Nội dung hợp tác <i>(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)</i>

15 Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 12)

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện (các mốc đánh giá chủ yếu)	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Người, cơ quan thực hiện
1	2	3	4	5

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

16 Dạng kết quả dự kiến của đề tài			
Dạng kết quả I	Dạng kết quả II	Dạng kết quả III	Dạng kết quả IV
<input type="checkbox"/> Mẫu (<i>model, maket</i>)	<input type="checkbox"/> Nguyên lý ứng dụng	<input type="checkbox"/> Sơ đồ, bản đồ	<input type="checkbox"/> Bài báo
<input type="checkbox"/> Sản phẩm (<i>có thể trở thành hàng hóa, để thương mại hóa</i>)	<input type="checkbox"/> Phương pháp	<input type="checkbox"/> Số liệu, Cơ sở dữ liệu	<input type="checkbox"/> Sách chuyên khảo
<input type="checkbox"/> Vật liệu	<input type="checkbox"/> Tiêu chuẩn	<input type="checkbox"/> Báo cáo phân tích	<input type="checkbox"/> Kết quả tham gia đào tạo sau đại học
<input type="checkbox"/> Thiết bị, máy móc	<input type="checkbox"/> Quy phạm	<input type="checkbox"/> Tài liệu dự báo (<i>phương pháp, quy trình, mô hình,...</i>)	<input type="checkbox"/> Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ
<input type="checkbox"/> Dây chuyền công nghệ	<input type="checkbox"/> Phần mềm máy tính	<input type="checkbox"/> Đề án, qui hoạch	<input type="checkbox"/> Khác
<input type="checkbox"/> Khác	<input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế	<input type="checkbox"/> Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi	
	<input type="checkbox"/> Quy trình công nghệ	<input type="checkbox"/> Khác	
	<input type="checkbox"/> Khác		
17	Yêu cầu chất lượng và số lượng về kết quả, sản phẩm KH&CN dự kiến tạo ra (Kê khai đầy đủ, phù hợp với những dạng kết quả đã nêu tại mục 16)		

17.1 Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I)						
	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng, quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
17.2 Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả II, III)						
	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được				Ghi chú
1	2	3				4
17.3 Dự kiến công bố kết quả tạo ra (dạng kết quả IV)						
	Tên sản phẩm	Tạp chí, Nhà xuất bản				Ghi chú
1	2	3				4
<p><i>17.4. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các sản phẩm, công nghệ nghiên cứu, đặc biệt là của sản phẩm, công nghệ chủ yếu dự kiến tạo ra của đề tài so với các sản phẩm tương tự trong và ngoài nước; so sánh với các phương án nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự để đánh giá hiệu quả của đề tài (trình độ KH&CN, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế, ...)</i></p> <p>.....</p>						
18	Khả năng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu					
<p><i>18.1. Khả năng về thị trường (nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu của khách hàng cụ thể nếu có; khi nào có thể đưa sản phẩm của đề tài ra thị trường?);</i></p> <p>.....</p> <p><i>18.2. Khả năng về kinh tế (khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng của sản phẩm)</i></p> <p>.....</p>						

18.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngay trong quá trình nghiên cứu

.....

18.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn (với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu) theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất, tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra, ...)

.....

19 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu

19.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Ghi những dự kiến đóng góp vào các thành tựu nổi bật trong khoa học quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế; triển vọng phát triển theo hướng nghiên cứu của đề tài; ảnh hưởng về lý luận đến phát triển ngành khoa học, đến sáng tạo trường phái khoa học mới; ...)

.....

19.2. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

19.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: những luận cứ khoa học của đề tài có khả năng ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước; khả năng nâng cao tiêu chuẩn văn hóa của xã hội; ảnh hưởng đến môi trường; khả năng ảnh hưởng đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hoặc tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất, v.v...)

.....

IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

20	Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài			
(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển)				
	Tên tổ chức, thủ trưởng của tổ chức	Địa chỉ	Nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài	Dự kiến kinh phí
21	Cán bộ thực hiện đề tài			
(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 07 người kể cả chủ nhiệm đề tài - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Mẫu số 6)				
	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi)	

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị: triệu đồng

22	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí						

1	<i>Trong đó:</i> Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:							09694899 Tel: +84-6-3645 664 * www.ThuvienPhapLuat.com
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở (nếu có) - Khác (vốn huy động, ...)							

....., ngày tháng năm 200...

Thủ trưởng

Cơ quan chủ trì đề tài

(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Chủ nhiệm đề tài

(*Họ tên và chữ ký*)

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI
(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH			Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)								
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng								
3	Thiết bị, máy móc								
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ								
5	Chi khác								
Tổng cộng:									

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI
(Theo nhóm mục chi)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn						
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH			Tự có	Khác		
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)									
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)									
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)									
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134,)									
Tổng cộng:										

- Ghi chú: Theo các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước

DỰ TOÁN CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung lao động	Tổng kinh phí	Nguồn vốn						
				SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Thuê khoán lao động khoa học								
2		Thuê khoán lao động phổ thông								
		Cộng								

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Nguyên, vật liệu										
2		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng										

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3		Năng lượng, nhiên liệu										
		- Than										
		- Điện	kW/h									
		- Xăng, dầu										
		- Nhiên liệu khác										
4		Nước	m ³									
5		Mua sách, tài liệu, số liệu										
Cộng:												

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					Tự có	Khác
							SNKH			Tự có	Khác		
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<i>1</i>		<i>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)</i>											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
II		Thiết bị mua mới										
1		Mua thiết bị, công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
III		Khấu hao thiết bị (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)										
IV		Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
V		Vận chuyển lắp đặt										
			Cộng:									

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				SNKH			Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba
1		Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN							
2		Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước							
4		Chi phí khác							
		Cộng:							

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn						
				SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		<i>Công tác trong nước</i> (địa điểm, thời gian, số lượt người)								
2		<i>Hợp tác quốc tế</i>								
a		Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)								
b		Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)								
3		<i>Kinh phí quản lý</i> (của cơ quan chủ trì)								
4		<i>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp</i>								
		- Chi phí kiểm tra nội bộ								
		- Chi nghiệm thu trung gian								
		- Chi phí nghiệm thu nội bộ								
		- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài								
5		<i>Chi khác</i>								
		- Hội thảo								

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		- Hội nghị							
		- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm							
		- Dịch tài liệu							
		- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ							
		- Khác							
6		<i>Phụ cấp chủ nhiệm đề tài</i>							
		Cộng:							

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên dự án	2	Mã số
3	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng/200.... đến tháng/200....)	4	Cấp quản lý
5	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Dự án độc lập		
6	Tổng vốn thực hiện dự án triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Tổng số (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Vốn tự có của cơ quan chủ trì (nếu có)		
	- Khác (liên doanh...)		
7	Kinh phí thu hồi triệu đồng (..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)		
	Thời gian thu hồi kinh phí (sau khi Dự án kết thúc):	Đợt 1: tháng,	
		Đợt 2: tháng	
8	Chủ nhiệm dự án		
	Họ và tên:..... Năm sinh: Nam/Nữ: Học hàm: Học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ:		

Điện thoại: Cơ quan: Nhà riêng: Mobile:
 Fax: E-mail:
 Tên cơ quan đang công tác:
 Địa chỉ cơ quan:
 Địa chỉ nhà riêng:

9 Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án

Tên tổ chức chủ trì Dự án:
 Điện thoại: Fax:
 E-mail:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng cơ quan:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:
 Tên cơ quan chủ quản dự án:

10 Tổ chức tham gia chính

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:
 Điện thoại: Fax:
 E-mail:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng cơ quan:
 Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án:

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức:
 Điện thoại: Fax:

E-mail:.....

Website:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng cơ quan:

11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 7 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Mẫu số 6)

	Họ và tên	Cơ quan công tác	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi)
1			
2			

12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (*tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền*)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (*tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp*)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*)

.....

13 Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14	Mục tiêu	<p><i>14.1. Mục tiêu của Dự án sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);</i></p> <p>.....</p> <p><i>14.2. Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm (trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)</i></p> <p>.....</p>
15	Nội dung	<p><i>15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>15.2. Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ (hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm);</i></p> <p>.....</p> <p><i>15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p>
16	Phương án triển khai	<p><i>16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:</i></p> <p><i>a) Phương thức tổ chức thực hiện:</i></p> <p>(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực thử nghiệm và</p>

hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần khẳng định rõ về năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu của Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:

- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KH&CN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);

16.2. Phương án tài chính (phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử

nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án (giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

17 Sản phẩm của Dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm

đăng ký sở hữu công nghiệp; (iii)Ấn phẩm; (iv)Đào tạo cán bộ; (v)Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i)Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất-kinh doanh; (v)Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

18.2. Quy mô sản xuất (công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.

.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của Dự án sản xuất - Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

* **Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (I)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (II)Thiết bị, máy móc mua mới; (III) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (IV) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó								
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động					
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:										
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở (nếu có) - Khác (vốn huy động, ...)										
Cộng:											

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000đ)	Trong đó theo sản phẩm		
			4	5	6
1	2	3	4	5	6
A	Chi phí trực tiếp				
1	Nguyên vật liệu, bao bì				
2	Điện, nước, xăng dầu				

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000đ)	Trong đó theo sản phẩm		
			4	5	6
3	Chi phí lao động				
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị				
5	Chi phí quản lý				
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định				
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới				
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới				
8	Thuê thiết bị				
9	Thuê nhà xưởng				
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ				
11	Tiếp thị, quảng cáo				
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)				
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):					
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện Dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	
19	Hiệu quả kinh tế - xã hội	
<p><i>(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p>		

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

Ngày..... tháng năm 200....

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 200....

Cơ quan chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

09694899

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn					
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH			Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thiết bị, máy móc mua mới								
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo								
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ								
4	Chi phí lao động								
5	Nguyên vật liệu năng lượng								
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng								
7	Chi khác								
Tổng cộng:									

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
(Theo nhóm mục chi)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhóm mục chi	Tổng số		Nguồn vốn						
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	SNKH			Tự có	Khác		
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai			Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Nhóm 1: Thanh toán cá nhân (bao gồm các mục chi: 100, 101, 102, 106)									
II	Nhóm 2: Nghiệp vụ chuyên môn (bao gồm các mục chi: 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119)									
III	Nhóm 3: Mua sắm sửa chữa (bao gồm các mục chi: 118, 144, 145, 157)									
IV	Nhóm 4: Các khoản chi khác (bao gồm các mục chi: 134, ...)									
Tổng cộng:										

* Ghi chú: Theo các mục chi của Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu											
2		Nguyên, vật liệu phụ											
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng											
Cộng:													

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Về điện:	kW/h										

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền											
4		Mua phần mềm máy tính											
5		Vận chuyển lắp đặt											
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
Cộng:													

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5								
B		Chi phí đào tạo công nghệ							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3								
		Cộng							

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1		Xây dựng nhà xưởng mới								
2		Chi phí sửa chữa cải tạo								
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện								
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước								
5		Chi phí khác								
		Cộng B:								

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Chủ nhiệm Dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		Cộng											

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Công tác phí - Trong nước - Ngoài nước								
2		Quản lý phí - Quản lý hành chính thực hiện Dự án - Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm								
3		Sửa chữa, bảo trì thiết bị								
4		Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu: - Chi phí kiểm tra nội bộ - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở (bên B) - Chi phí nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh (bên A)								
5		Chi khác: - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...								
		Cộng								

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Tháng																											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...			
1	2	3																											
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																												
2	Hoàn thiện công nghệ																												
3	Chế tạo, mua thiết bị																												
4	Lắp đặt thiết bị																												
5	Đào tạo công nhân																												
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																												
7	Thử nghiệm mẫu																												
8	Hiệu chỉnh công nghệ																												
9	Đánh giá nghiệm thu																												

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	8
1						
2						

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

1. Tên tổ chức

Năm thành lập

Địa chỉ

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây (nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn

- Vốn tự có: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày tháng năm 200...

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(Họ tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

Mẫu số 6

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN:

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ:	
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: CQ:		; NR:	; Mobile:
8. Fax:		E-mail:	
9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án:			
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:			
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:			
Địa chỉ Cơ quan:			
10. Quá trình đào tạo			
<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên môn</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan

09694899

12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng

(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác

(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

....., ngày tháng năm 200...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN
CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

(Xác nhận và đóng dấu)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian
cần thiết để Ông, Bà chủ trì
(tham gia) thực hiện
Đề tài, Dự án

Mẫu số 7

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /HĐKH-CN

Hà Nội, ngày tháng năm 200...

**HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số/2006/QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm 200... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt thuyết minh, dự toán đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Chúng tôi gồm:**1. Bên giao (Bên A) là:** Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: 83, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội;

Điện thoại:

Tài khoản:

Đại diện là:

Chức vụ:

Được ủy quyền theo giấy ủy quyền số do..... chức vụ.....
ký ngày ... tháng ... năm (nếu có)**2. Bên nhận (Bên B) là:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Đại diện là: - Ông (Bà) Chức vụ:

Được ủy quyền theo giấy ủy quyền số do..... chức vụ.....
ký ngày ... tháng ... năm (nếu có)

- Ông (Bà) Chủ nhiệm đề tài

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng khoa học và công nghệ như sau:

Điều 1: Bên A giao cho bên B thực hiện đề tài:

.....
theo các nội dung trong Thuyết minh dự toán đề tài đã được Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số...../QĐ-BTNMT, ngày.... tháng..... năm 200....

Thuyết minh đề tài, các Phụ lục 1, 2, và 3 kèm theo, dự toán kinh phí được duyệt hàng năm là bộ phận của Hợp đồng này.

Điều 2: Trách nhiệm Bên B

1. Bên B cam kết thực hiện đề tài:

tại Điều 1.

2. Sau khi kết thúc đề tài, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm nêu trong **Thuyết minh đề tài**, các **Phụ lục 1 và 2** kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Báo cáo tài chính của đề tài để tổ chức đánh giá và nghiệm thu ở Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ làm cơ sở trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

3. Nếu đề tài bị Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Bộ đánh giá ở mức “không đạt”, bên B phải bồi hoàn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước cho đề tài theo quy định của pháp luật.

4. Bên B được hưởng quyền tác giả và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành liên quan đến quyền tác giả.

Điều 3: Trách nhiệm Bên A

1. Bên A chuyển cho Bên B số kinh phí thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 5 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung nêu ở Khoản 1, Khoản 2, Điều 2 của Hợp đồng này và đã nộp kết quả, sản phẩm, đăng ký, lưu trữ kết quả thực hiện đề tài theo quy định của pháp luật, Bên A có trách nhiệm tổ chức thanh lý Hợp đồng theo quy định.

Điều 4: Thời hạn, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời hạn thực hiện đề tài là tháng, từ tháng năm 200... đến tháng ... năm 200....; chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Hợp đồng.

Điều 5: Kinh phí thực hiện hợp đồng

1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng là:
(*bằng chữ:*).

2. Hàng năm, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện đề tài. Nếu Bên B không hoàn thành công việc theo đúng tiến độ nêu trong Thuyết minh dự toán đề tài và Phụ lục 2 kèm theo hợp đồng, Bên A sẽ xem xét cụ thể theo quy định hoặc sẽ ngừng việc cấp kinh phí.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu một trong các Bên có yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung nội dung Hợp đồng, phải kịp thời có sự thỏa thuận bằng văn bản.

2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Một trong các Bên nếu không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ theo các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng thì phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan.

Điều 7: Điều khoản thi hành

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản.

BÊN A (Bên giao)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(*Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên*)

BÊN B (Bên nhận)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI
(*Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên*)

Phụ lục 1

(Kèm theo Hợp đồng số:/HĐKHCHN
ngày tháng năm 200...)

DANH MỤC SẢN PHẨM

Đề tài: “”

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật hoặc yêu cầu khoa học	Thời gian hoàn thành
1	2	3	4	5
1.				
2.				
3.				
.....				

Hà Nội, ngày tháng năm 200...

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục 2

(Kèm theo Hợp đồng số:...../HĐKHCHN
ngày tháng năm 200...)

NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đề tài: “”

STT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành
1	2	3	4
Năm 200...			
1.			Tháng....200...
2.			
...			
Năm 200...			
3.			
4.			
....			

Hà Nội, ngày tháng năm 200...

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục 3

(Kèm theo Hợp đồng số:...../HĐKHCN ngày.... tháng.... năm 200...)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 200...

Đề tài:

Chủ nhiệm:

Mục tiêu nhiệm vụ:

Sản phẩm hoàn thành:

Thời gian thực hiện:

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo đề cương được duyệt		Dự toán năm 200...	
				Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng						

(Viết bằng chữ:))

....., ngày.... tháng.... năm 200...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200...

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

Văn phòng Chính phủ xuất bản
Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182
Fax: 08044517
Email: congbaovp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng